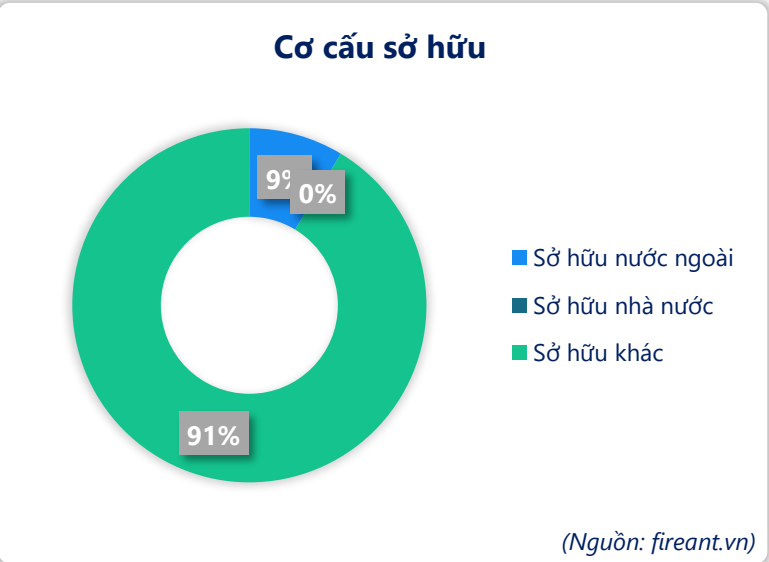
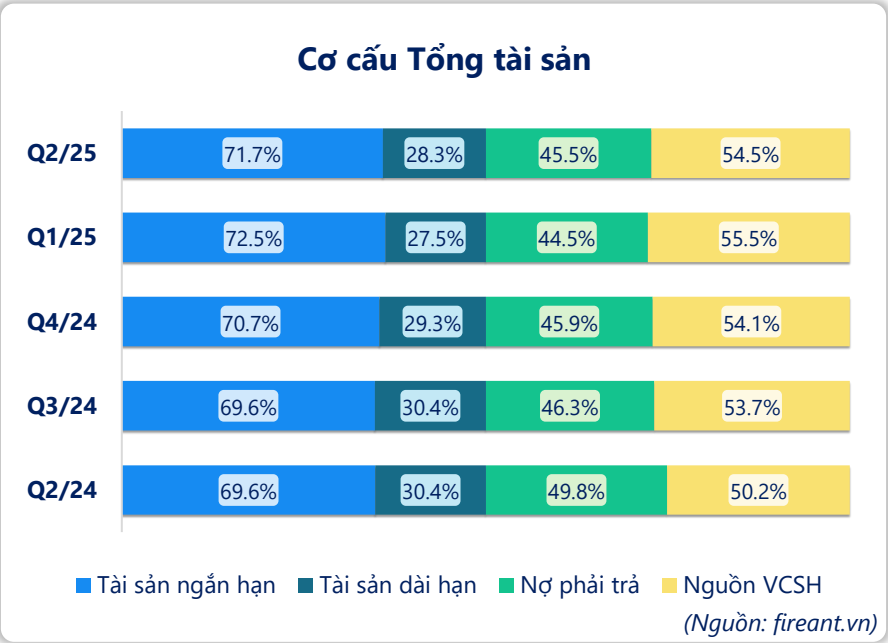
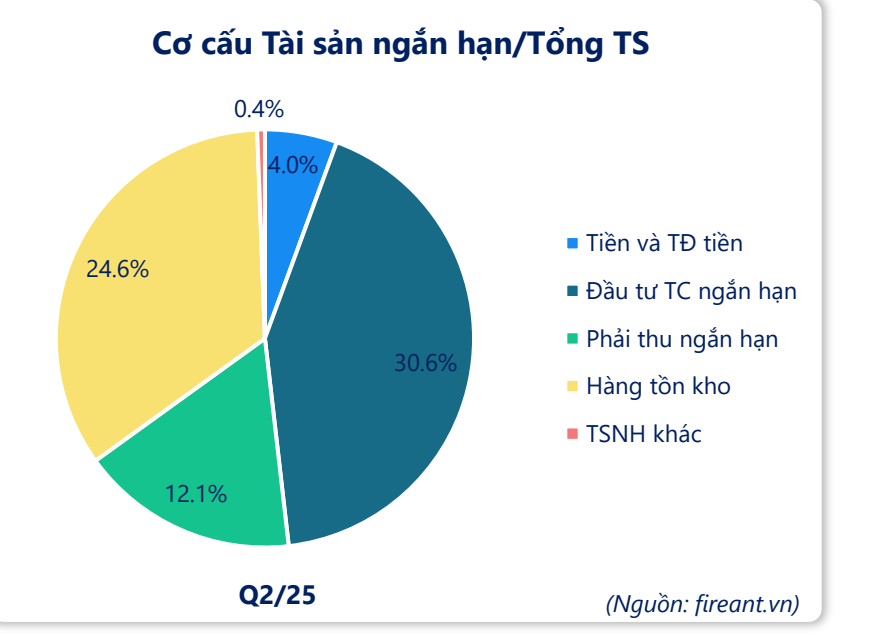
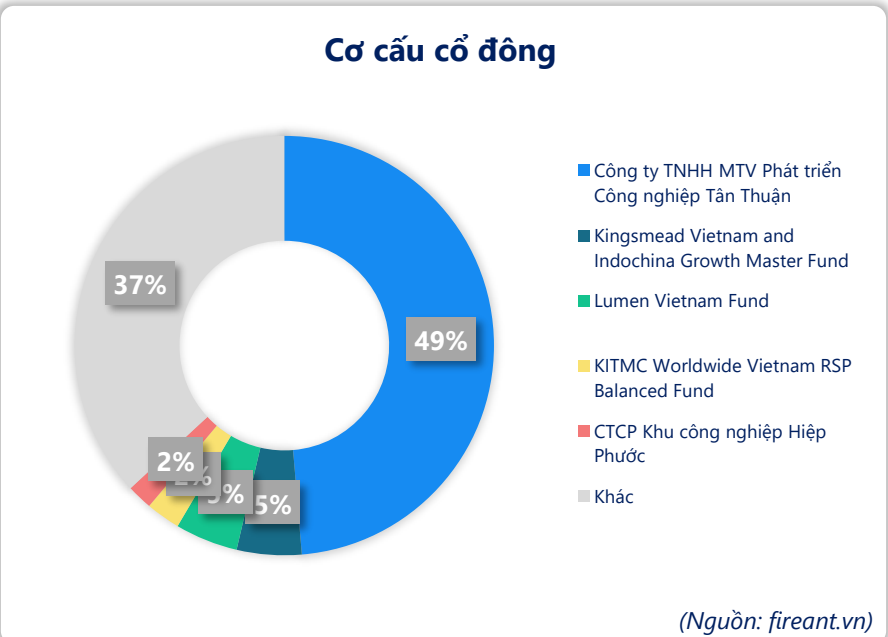
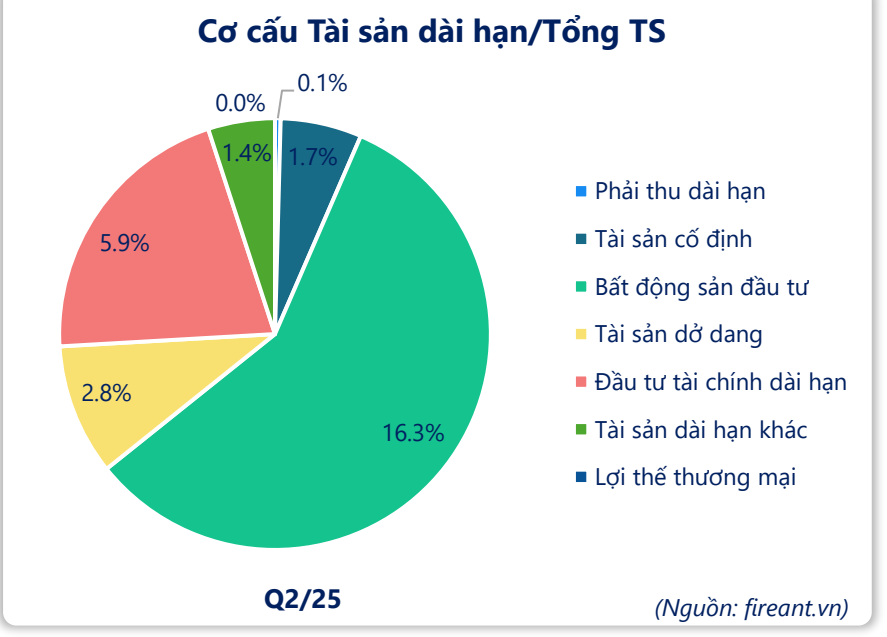
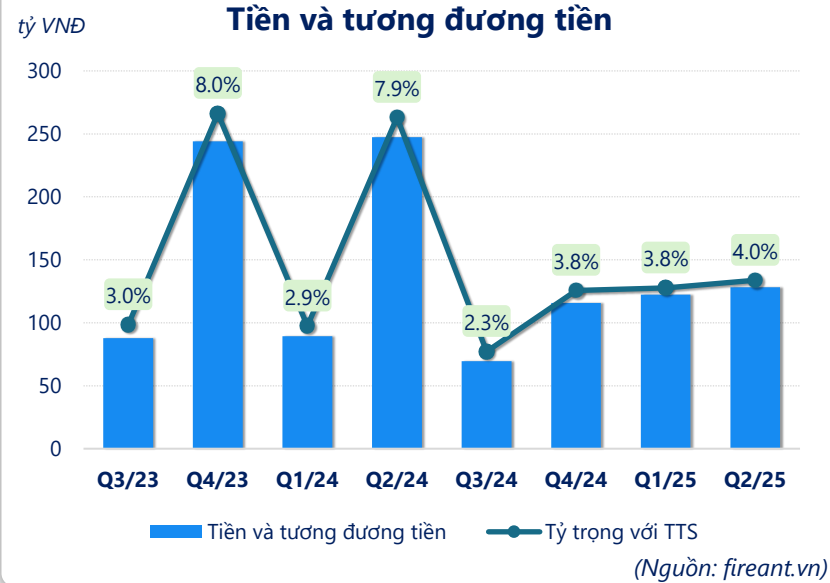
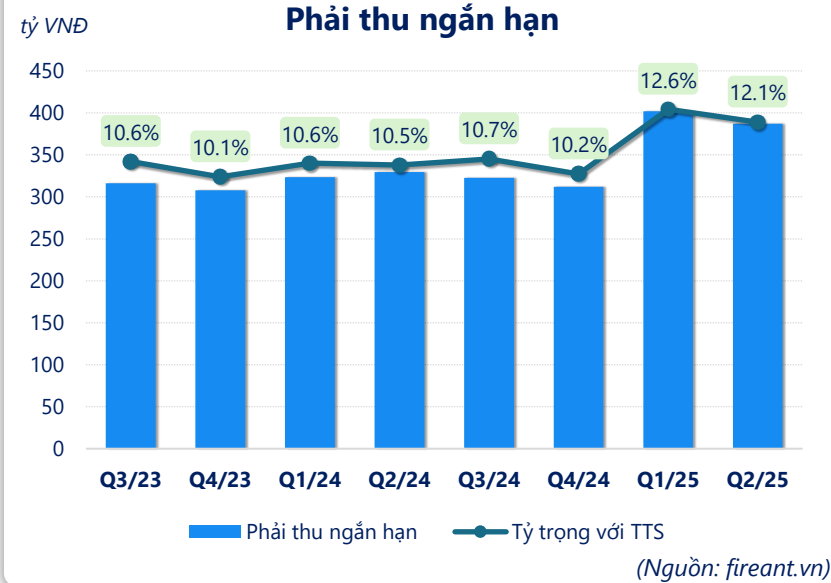
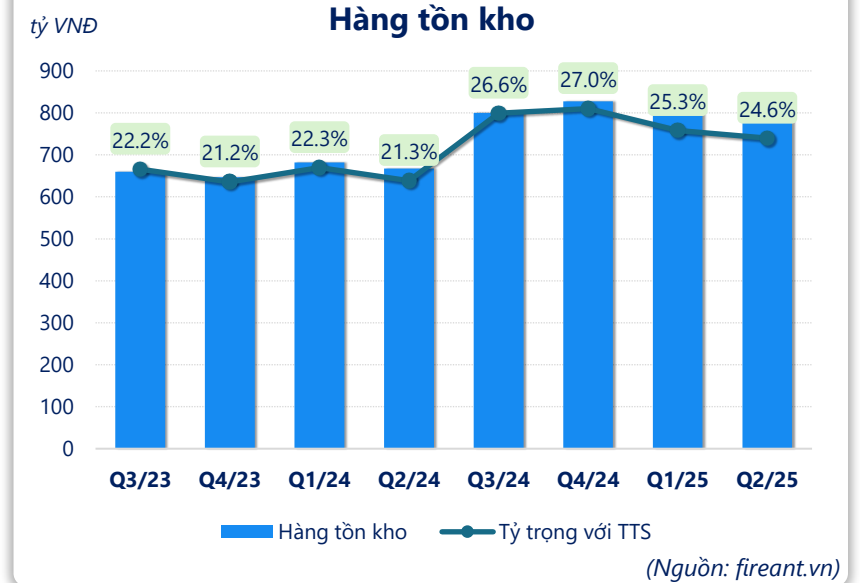
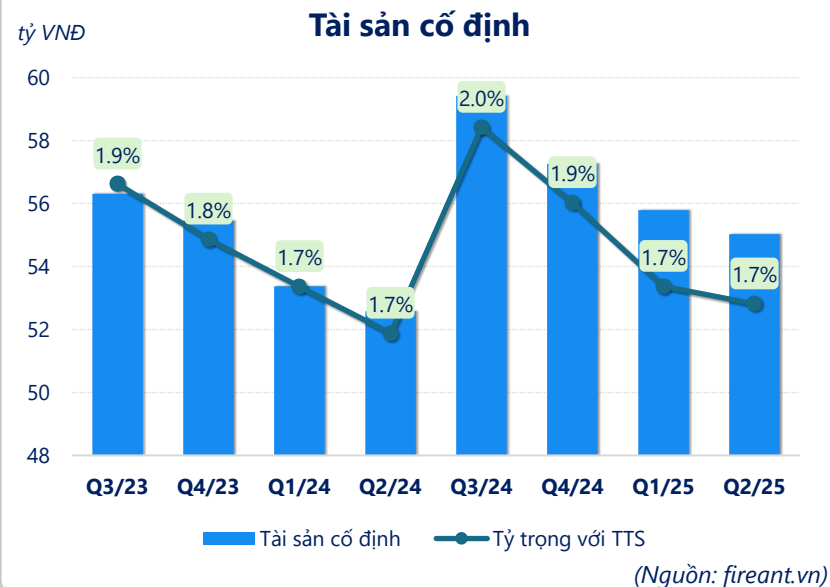
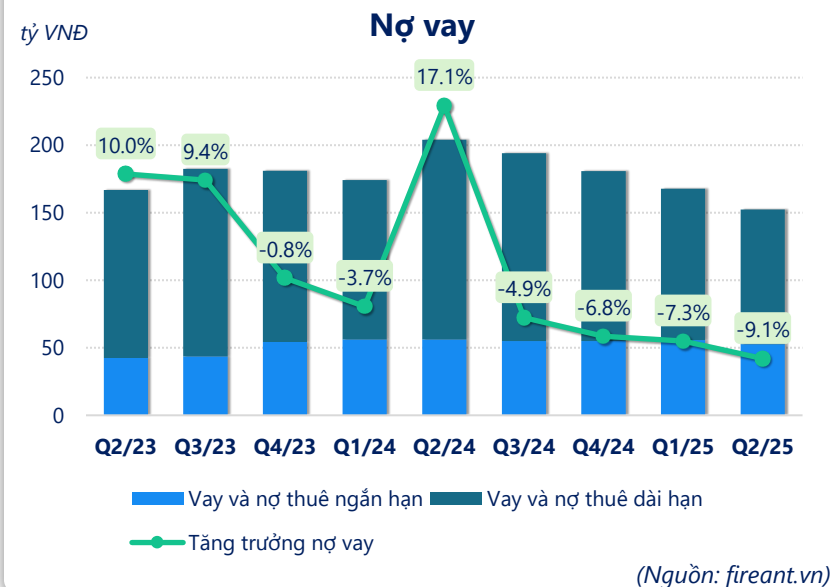
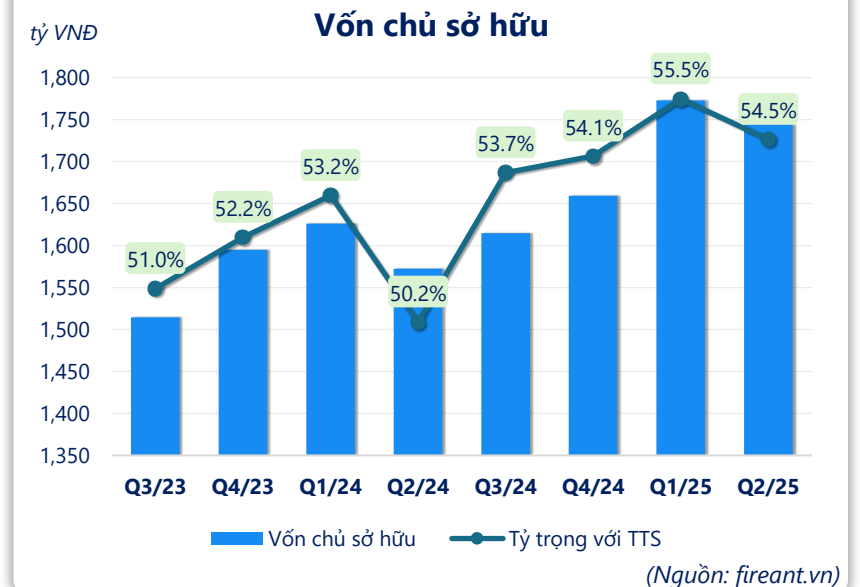
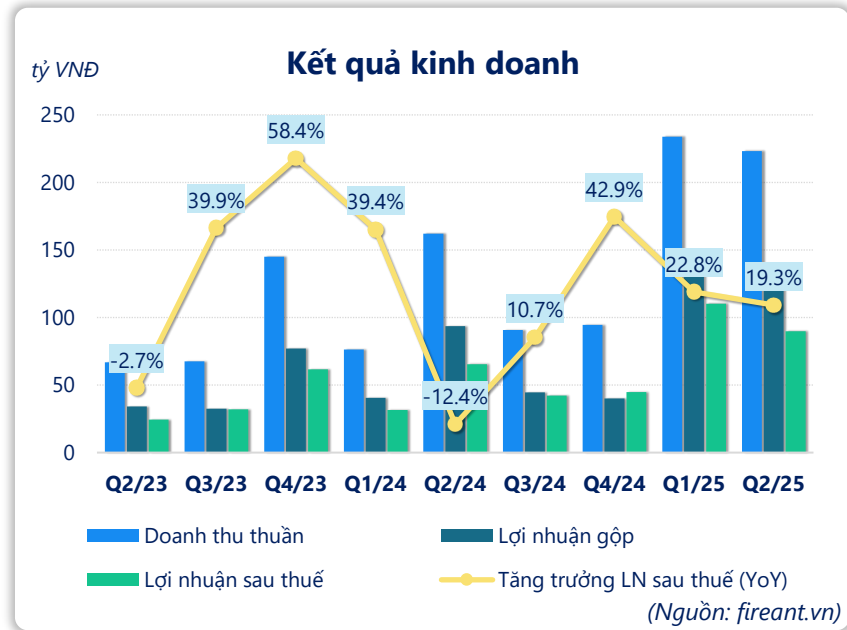
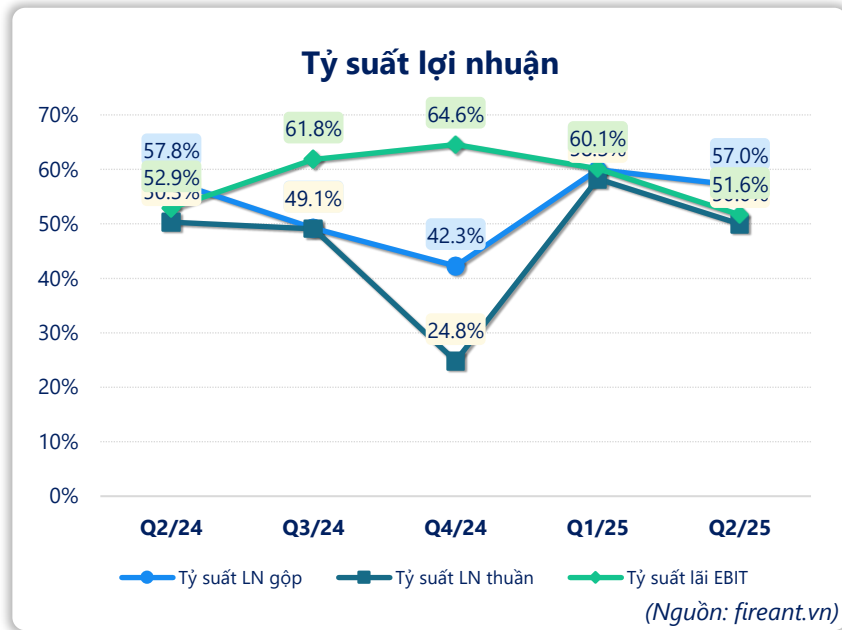
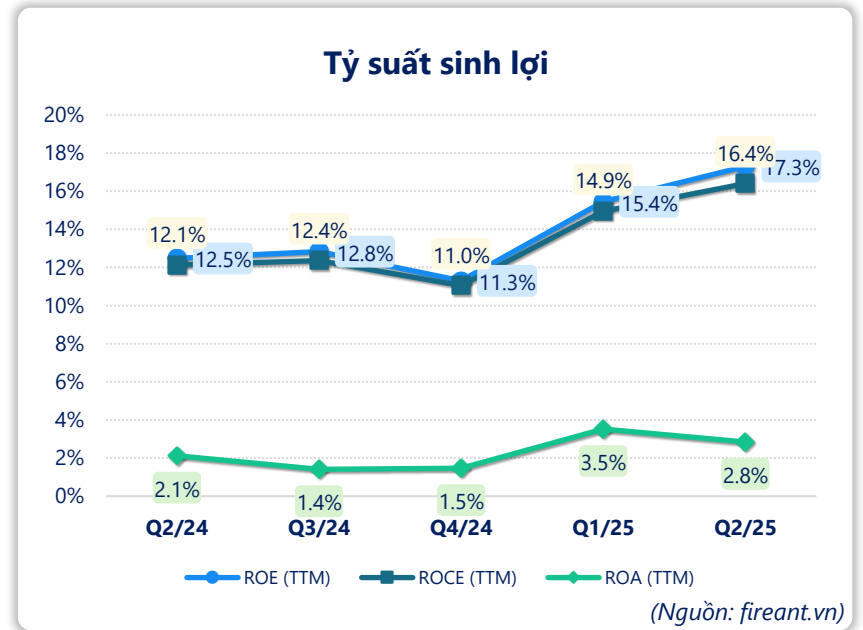
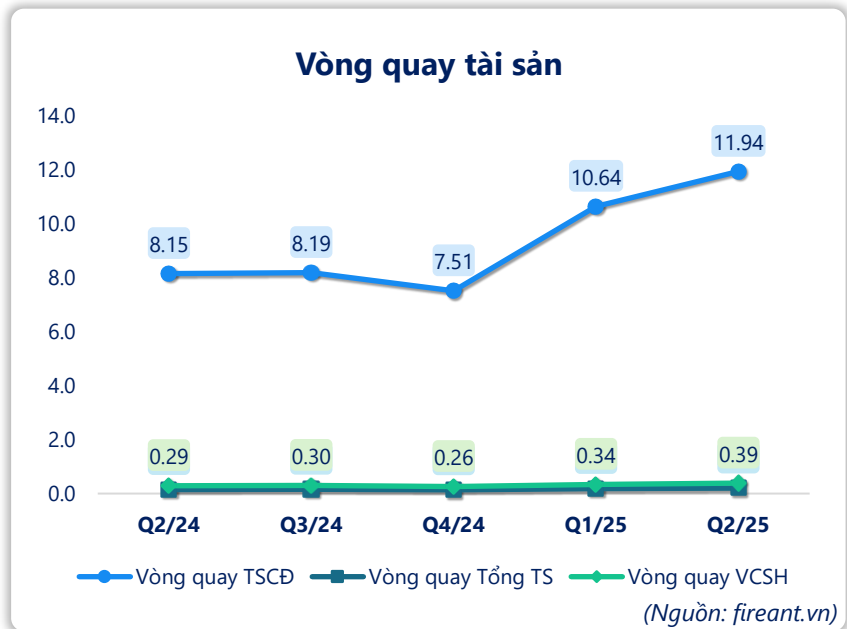
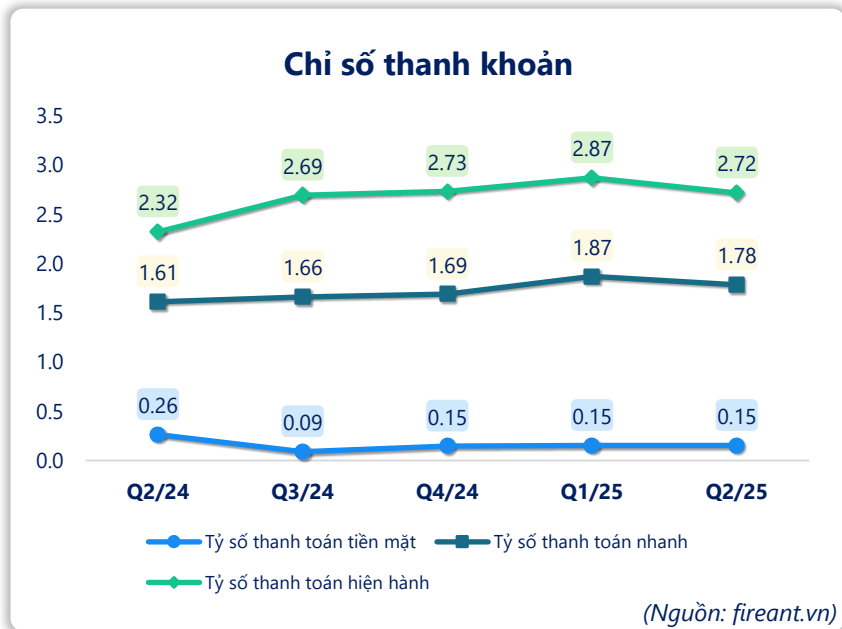
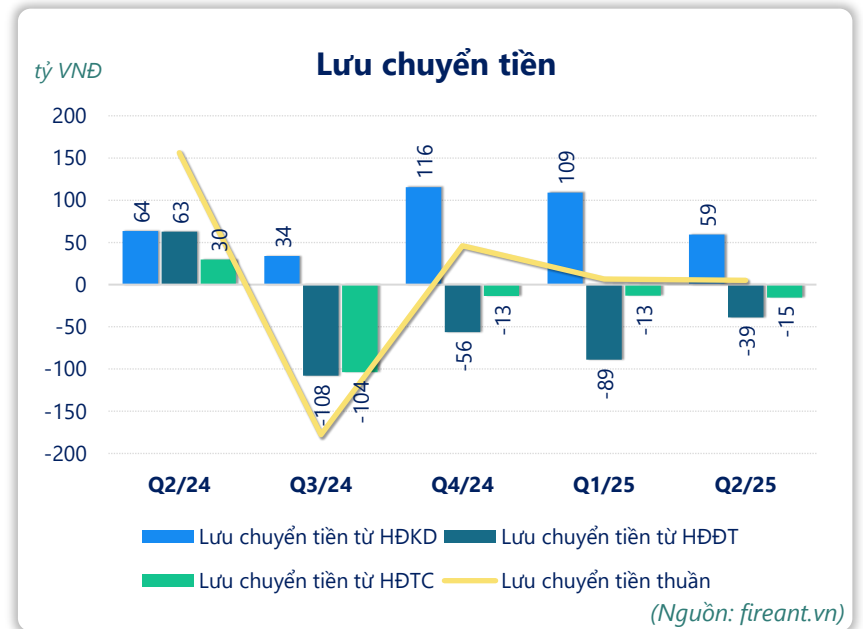


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,765
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,007
SL cổ phiếu LH		50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)		172,475
% sở hữu nước ngoài		8.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,613
P/E		5.6
EPS		5,736

	YTD	1T	3T	6T
LHG	-4.5%	8.8%	-1.6%	-8.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,199	3,070	4.2%
Tài sản ngắn hạn	2,295	2,172	5.6%
Tiền và tương đương tiền	128	116	10.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	977	900	8.6%
Phải thu ngắn hạn	387	316	22.6%
Hàng tồn kho	788	828	-4.8%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	13.5	0.8%
Tài sản dài hạn	904	898	0.7%
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	55.0	57.9	-5.0%
Bất động sản đầu tư	522	551	-5.3%
Tài sản dở dang	88.9	46.3	92.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	189	192	-1.8%
Tài sản dài hạn khác	45.3	46.6	-2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,454	1,407	3.4%
Nợ ngắn hạn	845	795	6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.5	54.9	-4.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	31.2	-38.7%
Nợ dài hạn	610	612	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	99.9	126	-20.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,744	1,663	4.9%
Vốn chủ sở hữu	1,744	1,663	4.9%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	162	90.7	94.6	234	223
Giá vốn hàng bán	68.3	46.1	54.6	93.6	96.0
Lợi nhuận gộp	93.7	44.6	40.0	140	127
Doanh thu HĐTC	11.0	23.8	6.09	15.6	7.18
Chi phí TC	6.58	8.77	4.84	5.14	4.70
Chi phí lãi vay	3.56	3.10	3.48	3.20	3.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.16	0.77	1.57	1.60	3.77
Chi phí QLDN	14.4	14.3	16.2	12.8	14.3
LN thuần từ HĐKD	81.5	44.5	23.5	136	112
Lợi nhuận khác	0.56	8.44	34.1	1.08	0.46
LN trước thuế	82.1	53.0	57.6	137	112
Lợi nhuận sau thuế	65.4	42.1	44.8	110	89.8
LNST của CĐ cty mẹ	65.4	42.1	44.8	110	89.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.6	33.9	116	109	59.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	62.8	-108	-56.2	-88.9	-38.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.8	-104	-13.4	-13.2	-15.3
Tiền đầu kỳ	89.3	247	69.6	116	122
Lưu chuyển tiền thuần	156	-178	46.0	6.65	5.03
Ảnh hưởng tỷ giá	1.83	0	0.13	0	0.92
Tiền cuối kỳ	247	69.6	116	122	128

(Nguồn: fireant.vn)